TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM ĐẢO** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thỏa

2. Ông Lê Kim Trọng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn La - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phùng Văn O, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 9, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc "có mặt".

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu 9, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 4 năm 2024 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Phùng Văn O trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị D kết hôn với nhau vào năm 1993, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và việc đi đến hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị D về chung sống cùng gia đình anh. Quá trình chung sống ban đầu vợ chồng hòa thuận, đến năm 2016

thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung và do làm ăn thua lỗ nên cuộc sống chung không hạnh phúc, anh và chị D đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Nay anh xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị D vắng mặt tại phiên tòa. Quá trình giải quyết vụ án, chị D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án cùng bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ của nguyên đơn cung cấp; các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho chị D nhưng chị D đều không đến Tòa làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về kiểm sát tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; người tham gia tố tụng anh O đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Chị D là bị đơn không chấp hành đầy đủ, vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Phùng Văn O được ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Về con chung, về chia tài sản đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Anh O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Phùng Văn O khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị D. Bị đơn chị D có hộ khẩu và cư trú tại khu 9, xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

Đối với chị D quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án chỉ tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

[2] Về hôn nhân: Anh Phùng Văn O và chị Nguyễn Thị D đăng ký kết hôn với nhau vào năm 1993 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, hôn nhân tự nguyện, tiến bộ vì vậy quan hệ hôn nhân giữa anh O và chị D là tự nguyện, hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Xem xét hôn nhân giữa anh O và chị D thấy rằng cuộc sống chung vợ chồng giữa anh O và chị D có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân như anh O trình bày vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và làm ăn thu lỗ nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh và chị D đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, chị D mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhưng không chấp hành, không có mặt để trình bày ý kiến về mâu thuẫn hay xin đoàn tụ. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh O và chị D đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh O xin ly hôn chị D là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh O và chị D có 02 con chung hiện đã trưởng thành, anh O không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản chung, vay nợ: Anh O không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Sau khi ly hôn, nếu các đương sự có tài sản và có đề nghị thì Tòa án giải quyết bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Anh O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho anh Phùng Văn O được ly hôn chị Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, vay nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Phùng Văn O phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001740 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành dân sự huyện Tam Đảo. Xác nhận anh O đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo

bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- UBND xã Bồ Lý, huyện Tam Đảo;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Văn Thái